

大  
蒙  
山  
施  
食  
儀  
規

NGHI THỨC  
ĐẠI MÔNG  
SƠN THÍ  
THỰC



## 淨壇

### 一、楊枝淨水讚

楊枝淨水，徧灑三千。性空八德利人天。亡靈早昇天。滅罪除愆。  
火燄化紅蓮。

南無清涼地菩薩摩訶薩（三稱三拜）

#### 1. Dương Chi Tịnh Thủy Tán

Dương chi tịnh thủy, biến sái tam thiên. Tánh không bát đức lợi nhân thiên. Vong linh tảo thặng thiên. Diệt tội tiêu khiên. Hỏa diệm hóa hồng liên

Nam mô Thanh Lương Địa Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần, 3 lạy)

### 二、宣聖號

南無大悲觀世音菩薩（三稱）

### 三、大悲呪（三遍）

南無喝囉怛那哆羅夜耶。南無阿唎耶。娑盧羯帝爍婆囉耶。菩提薩埵婆耶。摩訶薩埵婆耶。摩訶迦盧尼迦耶。唵。薩皤囉罰曳。數怛那怛寫。

#### 2. Xưng Thánh Hiệu

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát (3 lần)

#### 3. Chủ Bạch Thủy Văn

Bồ Tát liễu đầu cam lồ thủy, Năng linh nhất trích biến thập phương.

Tinh thiện cấu uế tận quyên trừ, Linh thử đàn tràng tất thanh tịnh

#### 4. Chú Đại Bi (3 lần)

Giáo hữu chân ngôn cần đương trì tụng:

Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da. Nam mô a rị da. Bà lô yết đế thước bát ra da. Bồ đề tát đỏa bà da. Ma Ha Tát đỏa bà da. Ma ha ca rô ni ca da. Án. Tát bàn ra phạt duệ. Số đát na đát toả.

南無悉吉利埵伊蒙阿唎耶。婆盧吉帝室佛囉楞馱婆。南無那囉謹墀。醯唎摩訶皤哆沙咩。薩婆阿他豆輸朋。阿逝孕。薩婆薩哆那摩婆薩哆。那摩婆伽。摩罰特豆。怛姪他。唵。阿婆盧醯。盧迦帝。迦羅帝。夷醯唎。摩訶菩提薩埵。

Nam mô tất kiết lật đỏa y mông A rị da Bà lô kiết đế thất phạt ra lăng đà bà. Nam mô na ra cẩn trì. Hê rị ma ha bàn đa sa mế. Tát bà a tha đậu du bằng. A thệ dựng. Tát bà tát đa, na ma bà tát đa, na ma bà dà. Ma phạt đật đậu. Đát điệt tha. Án, a bà lô hê, lô ca đế. Ca ra đế. Di hê rị. Ma ha bồ đề tát đỏa.

薩婆薩婆。摩囉摩囉。摩醯摩醯唎馱孕。俱盧俱盧羯蒙。度盧度盧罰闍耶帝。摩訶罰闍耶帝。陀囉陀囉。地利尼。室佛囉耶。遮囉遮囉。摩摩罰摩囉。穆帝隸。伊醯伊醯。室那室那。阿囉僧佛囉舍利。

Tát bà tát bà. Ma ra ma ra, ma hê ma hê rị đà dựng. Cu lô cu lô yết mông. Độ lô độ lô phạt xà da đế, ma ha phạt xà da đế. Đà ra đà ra. Địa rị ni. Thất phạt ra da. Dá ra dá ra. Mạ mạ. Phạt ma ra. Mục đế lệ. Y hê y hê, thất na thất na. A ra sâm phạt ra xá lợi,

罰沙罰參。佛囉舍耶。呼盧呼盧摩囉。呼盧呼盧醯利。娑囉娑囉。  
悉利悉利。蘇嚧蘇嚧。菩提夜菩提夜。菩馱夜菩馱夜。彌帝唎夜。  
那囉謹墀。地利瑟尼那。婆夜摩那。娑婆訶。悉陀夜。娑婆訶。

phạt sa phạt sâm. Phật ra xá da. Hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị. Sa ra  
sa ra. Tất rị tất rị. Tô rô tô rô. Bồ đề dạ bồ đề dạ. Bồ đà dạ bồ đà dạ. Di đế  
rị dạ. Na ra cần trì. Địa lị sắc ni na. Ba dạ ma na, sa bà ha. Tất đà dạ, sa bà  
ha.

摩訶悉陀夜。娑婆訶。悉陀喻藝。室蟠囉夜。娑婆訶  
那囉謹墀。娑婆訶。摩囉那囉。娑婆訶。悉囉僧阿穆佉耶。娑婆訶  
。娑婆摩訶阿悉陀夜。娑婆訶。者吉囉阿悉陀夜。娑婆訶。波陀摩  
羯悉陀夜。娑婆訶。那囉謹墀蟠伽囉耶。娑婆訶。

Ma ha tất đà dạ, sa bà ha. Tất đà du nghệ. Thất bàn ra dạ, sa bà ha. Na ra  
cần trì, sa bà ha. Ma ra na ra, sa bà ha. Tất ra tăng a mục khê da, sa bà  
ha. Sa bà ma ha a tất đà dạ, sa bà ha. Giả kiết ra a tất đà dạ, sa bà ha. Ba  
đà ma yết tất đà dạ, sa bà ha. Na ra cần trì bàn đà ra dạ, sa bà ha.

摩婆利勝羯囉夜。娑婆訶。

南無喝囉恒那哆囉夜耶。南無阿利耶。婆盧吉帝。爍蟠囉耶。娑婆  
訶。唵。悉殿都。漫哆囉。跋陀耶。娑婆訶。 (三遍)

Ma bà lợi thắng yết ra dạ, sa bà ha.

Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da. Nam mô a rị da, Bà lô kiết đế, Thước  
bàn ra dạ, sa bà ha. Án tất điện đô, Mạn đa ra, Bạt đà dạ, sa bà ha (3 lần)

南無甘露王菩薩摩訶薩 (三稱)

大蒙山施食儀規

靈位前薦食

一、唸佛至靈位前

西方極樂世界大慈大悲阿彌陀佛

## **5. Bồ Tát Thánh Hiệu**

Nam mô Cam Lộ Vương Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)

## **6. Niệm Phật Xuất Vị**

**Nghi thức Đại Mông Sơn Thí Thực**

(Cúng thức ăn ở bàn vong

Niệm Phật đến bàn vong )

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật

南無阿彌陀佛

南無蓮池會菩薩摩訶薩

三、稱聖號

南無般若會上佛菩薩

二、唱讚

Nam mô A Di Đà Phật

Nam mô A Di Đà Phật

## **7. Công Đức Đường Tiền**

**(1) Tán Bồ Tát Thánh Hiệu**

Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)

## (2) Xưng Thánh Hiệu

Nam mô Bát Nhã Hội Thượng Phật Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)

## (3) Tụng Bát Nhã Tâm Kinh (1 lần)

### 四、誦心經

般若波羅蜜多心經

觀自在菩薩。行深般若波羅蜜多時  
照見五蘊皆空  
度一切苦厄。舍利子  
色不異空  
空不異色  
色即是空。空即是色。受想行識 亦復如是。舍利子。

Bát nhã Ba la mật đa Tâm kinh

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát nhã Ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt thiết khổ ách. Xá Lợi Tử, sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc, thọ tướng hành thức diệc phục như thị. Xá Lợi Tử,

是諸法空相。不生不滅。不垢不淨。不增不減是故空中無色。無受想行識。無眼耳鼻舌身意。無色聲香味觸法。無眼界。乃至無意識界。無無明。亦無無明盡。乃至無老死。亦無老死盡。無苦集滅道。無智亦無得。以無所得故。

thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ tướng hành thức. Vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, vô sắc thanh hương vị xúc pháp, vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới. Vô vô minh, diệc vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận. Vô khổ, tập, diệt, đạo. Vô trí diệc vô đắc, dĩ vô sở đắc cố.

菩提薩埵。依般若波羅蜜多故。心無罣礙。無罣礙故無有恐怖。遠離顛倒夢想。究竟涅槃。三世諸佛依般若波羅蜜多故。得阿耨多羅三藐三菩提。故知般若波羅蜜多。是大神呪。是大明呪。

Bồ đề tát đỏa y Bát nhã Ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết bàn. Tam thế chư Phật, y Bát nhã Ba la mật đa cố, đắc A nậu đa la Tam miệu Tam bồ đề. Cố tri Bát nhã Ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú,

—

是無上呪。是無等等呪。能除一切苦。真實不虛。故說般若波羅蜜多呪。即說呪曰

揭諦揭諦。波羅揭諦。波羅僧揭諦。菩提薩婆訶

thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chân thật bất hư.

Cổ thuyết Bát nhã Ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha.

**五、念往生呪 (三遍)**

南無阿彌多婆耶。哆他伽多夜。哆地夜他。阿彌利都婆毗。阿彌利哆。悉耽婆毗。阿彌唎哆。毗迦蘭帝。阿彌唎哆。毗迦蘭多。伽彌膩。伽伽那。枳多迦利娑婆訶。

**(4) Chú Vãng Sanh (3 lần)**

Nam mô A di đà bà dạ, đa tha già đa dạ, đa địa dạ tha. A di rị đô bà tỳ, a di rị đa, tát đàm bà tỳ, a di rị đa, tỳ ca lan đế, a di rị đa, tỳ ca lan đa. Đà di nị, dà dà na, chỉ đa ca lệ, sa bà ha

## 六、變食真言 (三遍)

曩謨薩嚩怛他誑哆。嚩嚩枳帝。唵。三跋囉。三跋囉。吽。

## 七、甘露水真言 (三遍)

曩謨蘇嚩婆耶。怛他誑哆耶。怛姪他。唵。蘇嚩蘇嚩。鉢囉蘇嚩。鉢囉蘇嚩。娑婆訶。

### (5) Biến Thực Chân Ngôn (3 lần)

Nam mô tát phạ đát tha nga đa, phạ lồ chỉ đế.

Án, tam bạt ra, tam bạt ra, hồng

### (6) Cam Lộ Thủy Chân Ngôn (3 lần)

Nam mô tô rô bà da, đát tha nga đa da, đát điệt tha.

Án, tô rô, tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô, sa bà ha

## 八、普供養真言 三遍

唵。誑誑曩三婆嚩。伐日囉斛

## 九、彌陀讚

阿彌陀佛。無上醫王。巍巍金相放毫光。

苦海作舟航。九品蓮邦。同願往西方

### (7) Phổ Cúng Dường Chân Ngôn (3 lần)

Án, nga nga năng, tam bà phạ, phiệt nhật la, hồng

### (8) Di Đà Tán (1 lần)

A Di Đà Phật, Vô thượng Y Vương. Nguy nguy kim tướng phóng hào quang. Khổ hải tác châu hàng. Cửu phẩm liên bang. Đồng nguyện vãng tây phương

#### 十、回向偈

願生西方淨土中。九品蓮花為父母

花開見佛悟無生。

退菩薩為伴侶

南無阿彌陀佛（念佛至壇前收佛號）

#### **(9) Hồi Hướng Kệ (1 lần)**

Nguyện sanh Tây Phương tịnh độ trung,

Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu.

Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh,

Bất thoái Bồ Tát vi bạn hữu.

#### **(10) Niệm Phật Lục Tự (Niệm lục tự Phật hiệu về trước bàn Phật)**

Nam mô A Di Đà Phật

Nam mô A Di Đà Phật

壇前起香（丙）

#### 一、唱讚

蓮池海會。彌陀如來。觀音勢至坐蓮臺

接引上金階。大誓弘開。普願離塵埃。

南無蓮池會菩薩摩訶薩 (三稱三拜)

## Trước Phật Niệm Tụng

### 1. Liên Trì Tán

Liên Trì hải hội. Di Đà Như Lai. Quán Âm Thế Chí tọa liên đài

Tiếp dẫn thượng kim giai. Đại thế hoàng khai. Phổ nguyện ly trần ai

Nam Mô Liên Trì hội Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần, 3 lạy)

二、主法和尚

座

1、行十方禮後昇座 2、慢刹鼓

三、稱聖號

南無蓮池海會佛菩薩 (三稱)

四、誦阿彌陀經一卷

Hòa thượng chủ pháp thẳng tòa

### 2. Tụng Kinh Chú

#### (1) Xưng Thánh Hiệu

Nam Mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát (3 lần)

佛說阿彌陀經

如是我聞 ○ 一時佛在 舍衛國 ○ 祇樹給孤獨園 ○ 與大比丘僧 ○  
千二百五十人俱 ○ 皆是大阿羅漢 眾所知識 ○ 長老舍利弗 ○  
摩訶目犍連

## (2) Phật thuyết A Di Đà Kinh (1 lần)

Như thị ngã văn: Nhất thời Phật tại Xá Vệ quốc, Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên, dữ đại Tỳ kheo tăng, thiên nhị bá ngũ thập nhân câu, giai thị đại A La hán, chúng sở tri thức: Trưởng lão Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên

摩訶迦葉 ○ 摩訶迦旃延 ○ 摩訶俱絺羅 ○ 離婆多 ○ 周利槃陀伽 ○ 難陀 ○ 阿難陀 ○ 羅睺羅 ○ 憍梵波提 ○ 賓頭盧頗羅墮 ○ 迦留陀夷 ○ 摩訶劫賓那 ○ 薄拘羅 ○ 阿菟樓駄 ○ 如是等

Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Lợi Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phả La Đọa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nậu Lô Đà. Như thị đẳng

諸大弟子 ○ 并諸菩薩摩訶薩 ○ 文殊師利法王子 ○ 阿逸多菩薩 ○ 乾陀訶提菩薩 ○ 常精進菩薩 ○ 與如是等諸大菩薩 ○ 及釋提桓因等 ○ 無量諸天大眾俱 ○ 爾時佛告長老舍利弗 ○

chư đại đệ tử. Tinh chư Bồ Tát Ma Ha Tát: Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, dữ như thị đẳng chư đại Bồ Tát, cập Thích Đề Hoàn Nhân đẳng vô lượng chư thiên đại chúng câu. Nhĩ thời, Phật cáo trưởng lão Xá Lợi Phất:

從是西方過十萬億佛土 ○ 有世界名曰

極樂 ○ 其土有佛 號阿彌陀 ○ 今現在說法 ○ 舍利弗 ○ 彼土何故名為極樂 ○ 其國眾生 ○ 無有眾苦 ○ 但受諸樂 ○ 故名極樂 ○ 又舍利弗 ○

Tùng thị Tây Phương quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc. Kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp. Xá Lợi

Phát! Bỉ độ hà cố danh vi Cực Lạc? Kỳ quốc chúng sanh vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc. Hựu Xá Lợi Phát!

極樂國土 ○ 七重欄楯 ○ 七重羅網 ○ 七重行樹 ○ 皆是四寶周帀圍繞 ○ 是故彼國名為極樂 ○ 又舍利弗 ○ 極樂國土 ○ 有七寶池 ○ 八功德水 ○ 充滿其中 ○ 池底純以金沙布地 ○

Cực Lạc quốc độ, thất trùng lan thuẩn, thất trùng la võng, thất trùng hàng thọ, giai thị tứ bảo châu táp vi nhiều. Thị cố bỉ quốc danh vi Cực Lạc. Hựu Xá Lợi Phát! Cực Lạc quốc độ hữu thất bảo trì, bát công đức thủy sung mãn kỳ trung. Trì để thuần dĩ kim sa bố địa

四邊階道 ○ 金銀瑠璃 ○ 玻瓈合成 ○ 上有樓閣 ○ 亦以金銀 ○ 瑠璃玻瓈 ○ 磲磔赤珠 ○ 碼瑙 ○ 而嚴飾之 ○ 池中蓮華 ○ 大如車輪 ○ 青色青光 ○ 黃色黃光 ○ 赤色赤光 ○ 白色白光 ○

tứ biên giai đạo, kim, ngân, lưu ly, pha lê hiệp thành. Thượng hữu lâu các, diệp dĩ kim, ngân, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não nhi nghiêm sức chi. Trì trung liên hoa, đại như xa luân, thanh sắc thanh quang, hoàng sắc hoàng quang, xích sắc xích quang, bạch sắc bạch quang,

微妙香潔 ○ 舍利弗 ○ 極樂國土 ○ 成就如是功德莊嚴 ○ 又舍利弗 ○ 彼佛國土 ○ 常作天樂 ○ 黃金為地 ○ 晝夜六時雨天曼陀羅華 ○ 其土眾生 ○ 常以清旦 ○ 各以衣祴 ○ 盛眾妙華 ○ 供養他方十萬億佛 ○

vi diệu hương khiết. Xá Lợi Phát! Cực Lạc quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm. Hựu Xá Lợi Phát! Bỉ Phật quốc độ thường tác thiên nhạc, hoàng kim vi địa. Trú dạ lục thời, vũ thiên mạn-đà-la hoa. Kỳ độ chúng sanh, thường dĩ thanh đán, các dĩ y kích, thịnh chúng diệu hoa, cúng dường tha phương thập vạn ức Phật

即以食時還到本國 ○ 飯食經行 ○ 舍利弗 ○ 極樂國土 ○  
成就如是功德莊嚴 ○ 復次 ○ 舍利弗 ○ 彼國常有種種奇妙雜色之鳥 ○  
白鶴孔雀 ○ 鸚鵡舍利 ○ 迦陵頻伽 ○ 共命之鳥 ○ 是諸眾鳥 ○

tức dĩ thực thời, hoàn đảo bốn quốc, phạn thực kinh hành. Xá Lợi Phất!  
Cực Lạc quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm. Phục thứ, Xá  
Lợi Phất! Bỉ quốc thường hữu chủng chủng kỳ diệu tạp sắc chi điểu, bạch  
hạc, khổng tước, anh vũ, xá-lợi, ca-lăng-tần-già, cộng mạng chi điểu. Thị  
chư chúng điểu

晝夜六時 ○ 出和雅音 ○ 其音演暢五根五力 ○ 七菩提分 ○ 八聖道分 ○  
如是等法 ○ 其土眾生 ○ 聞是音已 ○ 皆悉念佛念法念僧 ○ 舍利弗 ○  
汝勿謂此鳥 ○ 實是罪報所生 ○ 所以者何 ○

Trú dạ lục thời xuất hòa nhã âm. Kỳ âm diễn sướng Ngũ Căn, Ngũ Lực,  
Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, như thị đẳng pháp, kỳ độ chúng  
sinh, văn thị âm dĩ, giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Xá Lợi  
Phất! Nhữ vật vị thử điểu thực thị tội báo sở sanh. Sở dĩ giả hà?

彼佛國土 無三惡道 ○ 舍利弗 ○ 其佛國土 ○ 尚無惡道之名 ○ 何況有實  
○ 是諸眾鳥 皆是阿彌陀佛 ○ 欲令法音宣流 ○ 變化所作 ○ 舍利弗 ○  
彼佛國土 ○ 微風吹動 ○ 諸寶行樹 ○ 及寶羅網

Bỉ Phật quốc độ vô tam ác đạo. Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ thượng vô  
ác đạo chi danh, hà hưởng hữu thực? Thị chư chúng điểu giai thị A Di Đà  
Phật dục linh pháp âm tuyên lưu biến hóa sở tác. Xá Lợi Phất! Bỉ Phật  
quốc độ, vi phong xuy động chư bảo hàng thọ, cập bảo la võng,

出微妙音 ○ 譬如百千種樂 ○ 同時俱作 ○ 聞是音者 ○  
自然皆生念佛念法念僧之心 ○ 舍利弗 ○ 其佛國土 ○

成就如是功德莊嚴 ○ 舍利弗 ○ 於汝意云何 ○ 彼佛何故號阿彌陀 ○ 舍利弗

xuất vi diệu âm. Thí như bách thiên chủng nhạc đồng thời câu tác. Văn thị âm giả, tự nhiên giai sanh niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng chi tâm. Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm. Xá Lợi Phất! Ư nhữ ý vân hà? Bỉ Phật hà cố hiệu A Di Đà? Xá Lợi Phất!

彼佛光明無量 ○ 照十方國 無所障礙 ○ 是故號為阿彌陀 ○ 又舍利弗 ○ 彼佛壽命 ○ 及其人民 ○ 無量無邊阿僧祇劫 ○ 故名阿彌陀 ○ 舍利弗 ○ 阿彌陀佛 ○ 成佛已來 ○ 於今十劫 ○ 又舍利弗。

Bỉ Phật quang minh vô lượng chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại. Thị cố hiệu vi A Di Đà. Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật thọ mạng cập kỳ nhân dân, vô lượng vô biên A Tăng Kỳ kiếp. Cố danh A Di Đà. Xá Lợi Phất! A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp. Hựu Xá Lợi Phất!

彼佛有無量無邊聲聞弟子 ○ 皆阿羅漢 ○ 非是算數之所能知 ○ 諸菩薩眾 ○ 亦復如是 ○ 舍利弗 ○ 彼佛國土 ○ 成就如是功德莊嚴 ○ 又舍利弗 ○ 極樂國土 ○ 眾生者 ○ 皆是阿鞞跋致 ○

Bỉ Phật hữu vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử, giai A La Hán, phi thị toán số chi sở năng tri. Chư Bồ Tát chúng diệc phục như thị. Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm. Hựu Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí.

其中多有一生補處 ○ 其數甚多 ○ 非是算數所能知之 ○ 但可以無量無邊阿僧祇說 ○ 舍利弗 眾生聞者 ○ 應當發願 ○ 願生彼國 ○ 所以者何 得與如是諸上善人 ○ 俱會一處 ○ 舍利弗不可以少

Kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bồ Xứ, kỳ số thậm đa, phi thị toán số sở năng tri chi, đản khả dĩ vô lượng vô biên A Tăng Kỳ thuyết. Xá Lợi Phất! Chúng

sinh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc. Sở dĩ giả hà? Đắc dữ như thị chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ. Xá Lợi Phất! Bất khả dĩ thiếu

善根福德因緣得生彼國 ○ 舍利弗○若有善男子○ 善女人 ○ 聞說阿彌陀佛 ○ 執持名號 ○ 若一日○ 若二日○ 若三日○ 若四日○ 若五日○ 若六日○ 若七日○ 一心不亂 ○ 其人臨命終時 ○

thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc. Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn, kỳ nhân lâm mạng chung thời

阿彌陀佛 ○ 與諸聖眾○ 現在其前○ 是人終時○ 心不顛倒○ 即得往生阿彌陀佛極樂國土○ 舍利弗 我見是利 ○ 故說此言○ 若有眾生○ 聞是說者○ 應當發願 ○ 生彼國土○ 舍利弗○ 如我今者○ 讚歎

A Di Đà Phật dữ chư thánh chúng hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ. Xá Lợi Phất! Ngã kiến thị lợi cố thuyết thử ngôn: “Nhược hữu chúng sanh, văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ”. Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả tán thán

阿彌陀佛 ○ 不可思議功德之利（合掌）東方亦有阿閼鞞佛 ○ 須彌相佛 ○ 大須彌佛 ○ 須彌光佛 ○ 妙音佛 ○ 如是等恒河沙數諸佛 ○ 各於其國 ○ 出廣長舌相 ○ 遍覆三千大千世界 ○

A Di Đà Phật bất khả tư nghị công đức chi lợi. (chấp tay) Đông phương diệc hữu A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang

Phật, Diệu Âm Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng biến phú tam thiên đại thiên thế giới,

說誠實言 ○ 汝等眾生 ○ 當信是稱讚不可思議功德 ○  
一切諸佛所護念經 ○ 舍利弗 ○ 南方世界 ○ 有日月燈佛 ○ 名聞光佛 ○  
大燄肩佛 ○ 須彌燈佛 ○ 無量精進佛 ○ 如是等恒河沙數諸佛 ○

thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm kinh”. Xá Lợi Phất! Nam phương thế giới hữu Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật, như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật,

各於其國 ○ 出廣長舌相 ○ 遍覆三千大千世界 ○ 說誠實言汝等眾生 ○  
當信是稱讚不可思議功德 ○ 一切諸佛所護念經 ○ 舍利弗 ○ 西方世界 ○  
有無量壽佛 ○ 無量相佛 ○ 無量幢佛

các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”. Xá Lợi Phất! Tây phương thế giới hữu Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Tràng Phật

大光佛 ○ 大明佛 ○ 寶相佛 ○ 淨光佛 ○ 如是等恒河沙數諸佛 ○  
各於其國 ○ 出廣長舌相 ○ 遍覆三千大千世界 ○ 說誠實言 ○ 汝等眾生 ○  
當信是稱讚不可思議功德 ○ 一切諸佛所護念經 ○

Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật. Như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn:

Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.

舍利弗 ○ 北方世界 ○ 有燄肩佛 ○ 最勝音佛 ○ 難沮佛 ○ 日生佛 網明佛  
○ 如是等恒河沙數諸佛 ○ 各於其國 ○ 出廣長舌相 ○ 遍覆三千大千世界  
○ 說誠實言 ○ 汝等眾生 ○ 當信是稱讚

Xá Lợi Phất! Bắc phương thế giới hữu Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trở Phật, Nhật Sanh Phật, Võng Minh Phật. Như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán

不可思議功德 ○ 一切諸佛所護念經 ○ 舍利弗 ○ 下方世界 ○ 有師子佛 ○ 名聞佛 ○ 名光佛 ○ 達磨佛 ○ 法幢佛 ○ 持法佛 ○ 如是等恒河沙數諸佛 ○ 各於其國出廣長舌相 ○ 遍覆三千大千世界

Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”. Xá Lợi Phất! Hạ phương thế giới hữu Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật. Như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng biến phú tam thiên đại thiên thế giới

說誠實言 ○ 汝等眾生 ○ 當信是稱讚不可思議功德 ○ 一切諸所護念經 ○ 舍利弗 ○ 上方世界 ○ 有梵音佛 ○ 宿王佛 ○ 香上佛 ○ 香光佛 ○ 大燄肩佛 ○ 雜色寶華嚴身佛 ○ 娑羅樹王佛

thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”. Xá Lợi Phất! Thượng phương thế giới hữu Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật,

Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thọ Vương Phật

寶華德佛 ○ 見一切義佛 ○ 如須彌山佛 ○ 如是等恒河沙數諸佛 ○ 各於其國 ○ 出廣長舌相 ○ 遍覆三千大千世界 ○ 說誠實言 ○ 汝等眾生 ○ 當信是稱讚不可思議功德 ○ 一切諸佛所護念經 ○

Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật. Như thị đẳng hằng hà sa số chư Phật các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.

(放掌) 舍利弗 ○ 於汝意云何 ○ 何故名為一切諸佛所護念經 ○ 舍利弗 ○ 若有善男子 ○ 善女人 ○ 聞是經受持者 ○ 及聞諸佛名者 ○ 是諸善男子 ○ 善女人 ○ 皆為一切諸佛之所護念

Xá Lợi Phất! Ư nhữ ý vân hà? Hà cố danh vi “Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”? Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân văn thị kinh, thọ trì giả, cập văn chư Phật danh giả, thị chư thiện nam tử, thiện nữ nhân giai vi nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm

皆得不退轉 ○ 於阿耨多羅三藐三菩提 ○ 是故舍利弗 ○ 汝等皆當信受我語 ○ 及諸佛所說 ○ 舍利弗 ○ 若有人 ○ 已發願 ○ 今發願 ○ 當發願 ○ 欲生阿彌陀佛國者 ○ 是諸人等

giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thị cố Xá Lợi Phất! Nhữ đẳng giai đương tín thọ ngã ngữ cập chư Phật sở thuyết. Xá Lợi Phất! Nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A Di Đà Phật quốc giả, thị chư nhân đẳng

皆得不退轉。於阿耨多羅三藐三菩提。於彼國土。若已生。若今生。若當生。是故舍利弗。諸善男子。善女人。若有信者。應當發願。生彼國土。舍利弗。如我今者稱讚諸佛不可

giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Ư bỉ quốc độ, nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược đương sanh. Thị cố Xá Lợi Phất! Chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ. Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả, xưng tán chư Phật bất khả

思議功德。彼諸佛等亦稱讚我不可思議功德。而作是言。釋迦牟尼佛。能為甚難希有之事。能於娑婆國土。五濁惡世。劫濁。見濁。煩惱濁。眾生濁。命濁中。得阿耨多羅三藐三菩提

tư nghị công đức. Bỉ chư Phật đẳng diệc xưng tán ngã bất khả tư nghị công đức, nhi tác thị ngôn: “Thích Ca Mâu Ni Phật năng vi thậm nan hy hữu chi sự, năng ư Sa Bà quốc độ, ngũ trược ác thế: kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước trung, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề,

為諸眾生。說是一切世間難信之法。舍利弗。當知我於五濁惡世。行此難事。得阿耨多羅三藐三菩提。為一切世間說此難信之法。是為甚難。佛說此經已。

vi chư chúng sanh thuyết thị nhất thiết thế gian nan tín chi pháp”. Xá Lợi Phất! Đương tri ngã ư ngũ trược ác thế, hành thử nan sự, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vi nhất thiết thế gian thuyết thử nan tín chi pháp, thị vi thậm nan! Phật thuyết thử kinh dĩ

舍利弗 及諸比丘。一切世間天人阿修羅等。聞佛所說。歡喜信受。作禮而去。

佛說阿彌陀佛經。

Xá Lợi Phất cập chư tỳ-kheo, nhất thiết thế gian, thiên, nhân, A Tu La đẳng, văn Phật sở thuyết, hoan hỷ tín thọ, tác lễ nhi khứ.

Phật thuyết A Di Đà Kinh

拔一切業障根本得生淨土陀羅尼

南無阿彌多婆夜 ○ 哆他伽多夜 ○ 哆地夜他 阿彌利都婆毗 ○ 阿彌利哆  
○ 悉耽婆毗 ○ 阿彌 唎哆 ○ 毗迦蘭帝 ○ 阿彌唎哆 ○ 毗迦蘭多 ○ 伽彌膩  
○ 伽伽那 ○ 枳多迦利 ○ 娑婆訶 ○

### (3) Chú Vãng Sanh (3 lần)

Bạt nhất thiết nghiệp chướng căn bản đắc sanh tịnh độ đà la ni

Nam mô A di đa bà dạ, đa tha già đa dạ, đa địa dạ tha: A di rị đô bà tỳ, a di rị đa, tất đām bà tỳ, a di rị đa, tỳ ca lan đế. A di rị đá, tỳ ca lan đa. Đà di nị, dà dà na, chỉ đa ca lệ, sa bà ha

### 五、彌陀大讚（齋主出位拈香行十方禮）

彌陀佛大願王，慈 悲 喜 捨 難  
量，眉間常放白毫光，度衆生極樂邦，八德池中蓮九品，七寶妙樹  
成行，如來聖號若宣揚，接引往西方。彌陀聖號若稱揚，同願往西  
方。

### 3. Tán Di Đà Đại Nguyện Vương

Di Đà Phật đại nguyện vương, từ bi hỷ xả nan lượng.

Mi gian thường phóng bạch hào quang, độ chúng sanh Cực Lạc bang

Bát đức trì trung liên cứu phẩm, thất bảo diệu thọ thành hàng,

Như Lai thánh hiệu nhược tuyên dương, tiếp dẫn vãng Tây Phương.

Di Đà thánh hiệu nhược xưng dương, đồng nguyện vãng Tây Phương.

## 六、宣佛號

南無本師釋迦牟尼佛（三稱）

## 七、偈示唯心（七遍或二十一遍）

若人欲了知 三世一

佛

應觀法界性 一

唯心造

## Chánh Tụng Mông Sơn Thí Thực

### 1. Niệm Tụng Lần Thứ Nhất

#### (1) Xưng Thánh Hiệu

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)

#### (2) Kệ Duy Tâm (7 lần hoặc 21 lần)

Nhược nhưn dục liễu tri, Tam thế nhưt thiết Phật,

Ứng quán pháp-giới tánh, Nhưt thiết duy tâm tạo.

## 八、脱苦来會

### （一）破地獄真言（四十九遍）

唵。伽囉帝耶娑婆訶

(二) 普召請真言 (二十一遍)

南無部部帝唎。伽哩哆哩。怛哆譏哆耶。

(3) **Phá Địa Ngục Chơn Ngôn**

Ấn dà ra đế da sa bà ha. (49 lần)

(4) **Phổ Triệu Thỉnh Chơn Ngôn**

Nam-mô bộ bộ đế rị, dà rị đa rị đát đa nga đa da. (21 lần)

(三) 解冤結真言 (二十一遍)

唵。三陀囉伽陀娑婆訶

(5) **Giải Oan Kết Chơn Ngôn**

Ấn tam đà ra, dà đà, sa bà ha. (21 lần)

(四) 法師第一番開示

十方法界。六道羣靈諦聽。夫真空湛寂  
原無世界衆生。自性天然 奚有果報諸法 只因纔迷一念

**Pháp Sư Khai Thị Lần Thứ Nhất:**

Chư vong linh trong lục đạo khắp mười phương pháp giới hãy lắng nghe:  
Chân không trong lặng, vốn không có thế giới, chúng sanh. Tự tánh sẵn  
tự nhiên, nào có quả báo, các pháp! Chỉ vì một niệm vừa mê, mười cõi  
liền tách bạch.

則十界條分。長驅六塵。則萬境紛擾。變妙有而為幻有。九道之無  
明。當情迷真空而著頑空。四生之垢纏紛起。由是升沉不已  
生死無窮。人天雖樂無央。福盡還墮三途。劇苦交煎。救拔匪易。  
言其衆苦 實可悲傷。今仗施食之勝緣。普濟塵勞

Mãi đuổi theo sáu trần, muôn cảnh rối bời mờ mịt, biến diệu hữu trở thành huyễn hữu, khởi tình chấp vô minh nơi chín nẻo. Mê chân không, chấp trước ngoan không, khiến phiền não buộc ràng trong bốn loài dấy lên tán loạn. Do vậy, thăng trầm chẳng ngớt, sanh tử vô cùng. Tuy cõi trời người vui sướng chẳng gặp họa ương, hết phước vẫn đọa! Sự khổ cực dữ dội trong tam đồ nung nấu, cứu vớt chẳng dễ! Nhắc tới mọi nỗi khổ, thật đáng bi thương. Nay cậy vào thắng duyên Thí Thực, cứu vớt mọi tội nhân trong vũ trụ.

之罪輩。於茲憑衆誦偈。直示唯心法門。令悟自心。所具所造。譬如明鏡。能含能照。善惡報應當自受之。因果循環。毫厘無爽。然後誦呪。密覆所有地獄遍消。八難三塗。四生九有。一切拘禁。悉共解除。

Nay cậy vào đại chúng tụng kệ, chỉ thẳng pháp môn Duy Tâm, hòng ngộ tự tâm vốn đủ, vốn tạo. Ví như gương sáng có thể chứa đựng, chiếu soi, báo ứng thiện ác phải tự chịu lấy. Nhân quả tuần hoàn, tơ hào chẳng sót. Sau đây, sẽ tụng chú để ngầm gia hộ, tất cả địa ngục trọn tiêu, bát nạn, tam đồ, bốn loài, chín cõi, hết thảy trói buộc, cấm ngăn, đều cùng giải trừ.

次誦普召請真言。普召十方。六道羣靈。以及古今橫厄。諸災邇遙。被難等輩。承斯呪力。同來道場。既來道場。已得解脫。奈有無始。冤結牽纏。今若共處共筵。恐致互見互恨。

Tiếp đó sẽ tụng chân ngôn Phổ Triệu Thịnh, vời thỉnh mọi loài trong lục đạo ở khắp mười phương, cùng với những kẻ xa gần mắc phải các tai nạn ngang trái xưa nay, nương theo sức thần chú này, cùng đến đạo tràng. Đã đến đạo tràng, đã được giải thoát. Hiềm rằng oán kết từ vô thủy lỗi

kéo, buộc ràng, nếu nay cùng tụ tập, cùng dự tiệc pháp một nơi, sợ trông thấy nhau, lòng sẽ hận nhau.

次誦解冤結神呪。呪力難思。應時冰釋。即此所安所遇。必能同見同歡。由此同歸三寶。同聞法音。同受法食。同得解脫。汝等一切羣靈。各發至誠。長跪合掌。隨衆同誦。迎請三寶。

Tiếp đó, tụng thần chú Giải Oán Kết, chú lực khó thể nghĩ bàn, mọi oán kết tiêu tan lập tức. Liền cùng nhau ở yên, gập gối nơi đây, cùng trông thấy nhau đều được vui vẻ. Do vậy cùng quy y Tam Bảo, cùng nghe pháp âm, cùng hưởng pháp thực, cùng được giải thoát. Hết thầy các vị vong linh, ai nấy hãy phát lòng chí thành, quỳ thẳng, chắp tay, cùng tụng theo đại chúng, đón mời Tam Bảo.

## 九、迎請三寶

(一) 宣請法寶 (七遍或十四遍)

南無大方廣佛華嚴經

(二) 宣稱三寶 (七遍)

## 2. Niệm Tụng Lần Thứ Nhì

### (1) Đồng Tán Kinh Nguyên

Nam mô Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh. (7 đến 14 lần)

南無常住十方佛

南無常住十方法

南無常住十方僧

南無本師釋迦牟尼佛。

南無大悲觀世音菩薩

南無冥陽救苦地藏王菩薩

南無啟教阿難陀尊者

## (2) Nghinh thỉnh Tam Bảo

Nam mô thường trụ thập phương Phật

Nam mô thường trụ thập phương Pháp

Nam mô thường trụ thập phương Tăng

Nam mô Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ tát

Nam mô Minh Dương Cứu khổ Địa Tạng Vương Bồ tát

Nam mô khai giáo A Nan Đà tôn giả.

## (三) 法師第二番開示

上來迎請三寶。宏慈必定光臨。惟汝等各具至心。投誠皈依。夫三寶者。千生罕遇。萬劫難逢

## Pháp Sư Khai Thị Lần Thứ Nhì

Trên đây, đã đón mời Tam Bảo, Tam Bảo lòng Từ mênh mông, nhất định quang lâm đàn tràng. Các vị hãy dốc trọn lòng Thành quy y. Ôi! Tam Bảo ngàn đời hiếm gặp, muôn kiếp khó thấy.

皈依者。福增無量。禮念者。罪滅河沙。譬如靈丹妙藥。百病蠲除。是故三寶無上。功德廣大。不可思議。衆生投誠。佛種菩提。由是生焉。我今為汝。稱唱三寶宏名。汝等隨我音聲 皈依三寶

## 十、乘宣三寶

Kẻ quy y, phước tăng vô lượng. Người lễ niệm, tội diệt hà sa. Ví như linh đan, diệu dược, trừ sạch trăm bệnh. Bởi thế, Tam Bảo vô thượng, công đức rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn. Chúng sanh gieo lòng thành, hạt giống Phật, nhân Bồ Đề do đấy nảy sanh. Tôi nay vì các vị, tuyên đọc danh hiệu Tam Bảo minh mông, các vị hãy nghe theo tiếng tôi đọc mà quy y Tam Bảo.

### 3. Niệm tụng Lần Thứ Ba

#### (一) 擊引磬上下和唱各三遍

##### (1) Quy Y Kệ

皈 依 佛。皈 依 法。皈 依 僧。

皈 依 佛 兩 足 尊。皈 依 法 離 欲 尊。皈 依 僧 眾 中 尊。

皈 依 佛 不 墮 地 獄。皈 依 法 不 墮 餓 鬼。皈 依 僧 不 墮 傍 生

皈 依 佛 竟。皈 依 法 竟。皈 依 僧 竟。

Quy y Phật, Quy y Pháp, Quy y Tăng.

Quy y Phật lưỡng túc tôn,

Quy y Pháp ly dục tôn,

Quy y Tăng chúng trung tôn.

Quy y Phật bất đoạ địa ngục.

Quy y Pháp bất đoạ ngã quỷ.

Quy y Tăng bất đoạ bàng sanh.

Quy y Phật cảnh,

Quy y Pháp cảnh,

Quy y Tăng cảnh. (3 lần)

## (二) 法師第三番開示

汝等六道羣靈。既已皈依三寶。成佛種子。堪進菩提。汝等當復思惟。自從無始。身口意三業不淨。貪瞋痴三毒熾然。念念之間。造諸惡業。無邊無際。若不勤求懺悔。豈有消亡。

### Pháp Sư Khai Thị Lần Thứ Ba

Các vị vong linh trong lục đạo đã quy y Tam Bảo, thành tựu hạt giống Phật, kham tiến đến Bồ Đề. Các vị hãy lại nên suy nghĩ: Từ vô thủy đến nay, ba nghiệp thân - miệng - ý bất tịnh, ba độc tham - sân - si hừng hực, trong từng mỗi niệm tạo các ác nghiệp không ngừng, không mé. Nếu chẳng siêng cầu sám hối, há chúng tự tiêu vong?

故今依普賢菩薩懺悔偈示之。汝等恭對三寶。隨音發露。懇切至誠。求哀懺悔。

## 十一、懺悔三業

Vì thế, nay y theo lời dạy trong bài kệ sám hối của Phổ Hiền Bồ Tát, các vị hãy cung kính đối trước Tam Bảo, nghe theo tiếng kệ tỏ bày tội lỗi, khẩn thiết, chí thành, xót xa cầu xin sám hối.

### 4. Niệm tụng Lần Thứ Tư

#### (1) Sám Hối Kệ

##### (一) 普賢懺悔偈

1 一字一引磬上下和唱各三遍

2 功德主代表禮拜和完一句即拜下法師唱至第四字時起立

往昔所造諸惡業。皆由無始貪瞋癡

從身語意之所生。一切業障皆懺悔

Phổ Hiền Sám Hối Kệ

Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp. Giai do vô thỉ tham sân si

Tùng thân ngữ ý chi sở sanh. Nhất thiết nghiệp chướng giai sám hối

(3 lần)

(二) 法師第四番開示

汝等六道羣靈。既能懺悔。罪必清淨。但汝等從無始來。所造業種無量。若能久勤懺悔。方始漸次盡除。又復當知罪從心起。懺罪從心。心若滅時。何罪之有。必須隨時隨境。分別不生。

### Pháp Sư Khai Thị Lần Thứ Tư

Chư vị vong linh trong lục đạo đã sám hối xong. Đã có thể sám hối, tội ắt thanh tịnh. Nhưng quý vị kể từ vô thỉ đến nay, trót tạo nghiệp chướng vô lượng. Nếu có thể siêng năng sám hối lâu ngày thì nghiệp chướng ấy mới dần dần trừ sạch. Lại phải nên biết: Tội do tâm khởi, nên sám hối cũng phải từ nơi tâm. Khi tâm diệt rồi, tội đâu còn nữa! Ắt phải trong mọi lúc, mọi cảnh, đừng sanh phân biệt

罪根即滅。是名真懺悔也。既勤懺悔。當發四弘誓願以為基。磊疊行山。應修六度。功勳而成滿。我今為汝。申說四弘誓願之偈。汝等長跪虔對三尊。隨我音聲。志心發願。

gốc tội liền trừ. Đây gọi là chân sám hối! Đã siêng năng sám hối, hãy nên phát Tứ Hoằng Thệ Nguyện để làm nền tảng. Vun xếp đá tảng nơi núi Hạnh, hãy nên dùng công huân tu lục độ vạn hạnh để thành tựu viên mãn. Tôi nay vì các vị, tuyên đọc bài kệ Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Các vị hãy quỳ thẳng, dốc trọn lòng thành, đối trước Tam Tôn, nghe theo tiếng tôi đọc, chí tâm phát nguyện.

## 十二、發四弘誓願

1 一字一引磬上下和唱各三遍

2 功德主代表禮拜與前同

### (一) 事願

衆生無邊誓願度，煩惱無盡誓願斷

法門無量誓願學，佛道無上誓願成

## 5. Niệm tụng Lần Thứ Năm

### (1) Phát Sự Tứ Hoằng Thệ Nguyện Kệ

Nguyện theo Sự

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ.

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành (3 lần)

### (二) 理願

自性衆生誓願度，自性煩惱誓願斷

自性法門誓願學，自性佛道誓願成

## (2) Phát Lý Tứ Hoằng Thệ Nguyện Kệ

Nguyện theo Lý

Tự tánh chúng sanh thệ nguyện độ.

Tự tánh phiền não thệ nguyện đoạn

Tự tánh pháp môn thệ nguyện học.

Tự tánh Phật đạo thệ nguyện thành

### (三) 法師第五番開示

汝等六道羣靈。既發願已。當知願如大海。深不可窮

### Pháp Sư Khai Thị Lần Thứ Năm

Các vị vong linh trong lục đạo đã phát nguyện xong, hãy nên biết nguyện như biển cả, sâu chẳng thể cùng

行若高山。填方成滿。須修六度之大行。方填四弘之誓海。欲填誓海。急當自利利他。自利則必使三業清淨。難行能行。難忍能忍。歷劫勤苦。永無退志。利他則六度勤修。萬行無虧。廣度衆生。辛勞無厭。自利既精。利他則廣。

Hạnh tựa núi cao, phải vun đắp mới thành tựu viên mãn. Phải tu đại hạnh lục độ mới lấp đầy được biển Tứ Hoằng Thệ. Muốn lấp biển Hoằng Thệ, hãy gấp hành tự lợi, lợi tha. Tự lợi khiến cho ba nghiệp thanh tịnh, làm được chuyện khó làm, nhẫn được điều khó nhẫn, trải kiếp siêng khổ, vĩnh viễn chẳng nhụt chí. Lợi tha là siêng tu lục độ, vạn hạnh chẳng thiếu sót. rộng giúp chúng sanh, cay đắng, nhọc nhằn không chán ngán. Tự lợi đã chuyên ròng, lợi tha càng rộng lớn

六度萬行。普化圓融。譬如救濟衆難。先須自力充盈。救人既多。行且益易。今則復念。汝等歷劫以來。所造定業。猶未盡消。故今更誦地藏菩薩滅定業真言。即令滅盡。次誦觀音菩薩滅業障神呪。速使冰消。復由夙造慳貪。致今咽喉常鎖

Lục độ vạn hạnh, trọn hóa thành viên dung. Ví như cứu vớt các nạn, tự lực phải sung mãn trước, cứu người đã lắm, hạnh càng thêm dễ. Nay lại nghĩ các vị trải bao kiếp đến nay, định nghiệp trót tạo vẫn chưa tiêu sạch, nên nay tôi lại tụng Địa Tạng Bồ Tát Diệt Định Nghiệp Chân Ngôn ngữ hầu sẽ diệt sạch ngay. Kế đó, tụng Quán Âm Bồ Tát Diệt Nghiệp Chương Thần Chú khiến cho định nghiệp nhanh chóng tiêu tan. Lại do đời trước trót tạo nghiệp keo tham, đến nỗi cổ họng nay thường bị nghẹn tắc

故誦開咽喉真言。使令開豁融通。堪享清淨法味

上仗顯密之靈詮。盡解內外之諸障。然後進求三昧耶戒。使戒根以全淨。若明珠之朗潤。所修功德。悉獲圓成。次誦變食之密言。每粒變七。七復成七。七七無盡。所謂即此一食。出無量食。

Nên tụng Khai Yết Hầu chân ngôn, khiến cổ họng được thông thưng thông suốt, kham hưởng pháp vị thanh tịnh. Kính nhờ vào kinh chú hiển mật linh thiêng, gột sạch mọi chướng ngại trong ngoài rồi mới tiến lên cầu Tam Muội Da giới khiến cho giới căn được thanh tịnh trọn vẹn. Như minh châu sáng ngời, tươi nhuận, công đức đã tu đều được viên thành. Tiếp đến là tụng mật ngôn Biến Thực, mỗi một hạt biến thành bảy hạt, bảy hạt đó mỗi hạt lại biến thành bảy hạt nữa, bảy lần bảy tiếp tục biến hiện như thế cho đến vô tận. Đó là: Một món ăn này biến thành vô lượng món ăn

而無量食。咸趣一食。一為無量。無量為一。一一出生。重重無盡。充塞虛空。周徧法界。普濟飢虛。離苦得樂。次誦變水之密呪。

變凡水而成甘露。為性海以周法界。一切羣靈。普得清涼。此食此水。互徧互融。嚐之沾之。六根清淨。

nhưng vô lượng món ăn đều gộp trong một món ăn. Một là vô lượng, vô lượng là một, mỗi mỗi xuất sanh, trùng trùng vô tận, tràn ngập hư không, trọn khắp pháp giới, cứu khắp kẻ đói khát, khiến họ lìa khổ hưởng vui. Kế đó, tụng mật chú Biến Thủy, biến nước tầm thường thành cam lộ, thành tánh hải trọn khắp pháp giới. Hết thảy các vong linh đều được thanh lương. Thức ăn này, nước này, trọn khắp, dung chứa khắp lẫn nhau, nếm thức ăn ấy, được nước ấy thấm ướt, sáu căn thanh tịnh

見者聞者。衆苦解脫。一字水輪呪。此食此水。淨極妙融。乳海眞言。此食此水。體新潔白。更持七如來之洪名。即聞即脫。遂升蓮華臺之妙體。且樂且榮。汝等羣靈。志心諦聽。

kẻ thấy, người nghe, giải thoát các khổ. Nhất Tự Thủy Luân Chú: Thức ăn này, nước này thanh tịnh tốt cùng, viên dung màu nhiệm. Nhũ Hải Chân Ngôn khiến thể chất của thức ăn này và nước này mới mẻ, trắng sạch. Lại trì danh hiệu bao la của bảy vị Như Lai, vừa nghe liền được giải thoát, liền đạt được thân màu nhiệm trên đài hoa sen, vừa vui, vừa vinh. Chư vong linh các vị, hãy chí tâm lắng nghe

### 十三、持呪滅罪（鳴魚直唸）

Trì chú Diệt Tội

（一）地藏菩薩滅定業眞言（二十一遍）

誦此呪時觀想六道羣靈無始定業悉皆破除

唵。鉢囉末隣陀寧娑婆訶

（二）觀世音菩薩滅業障眞言（二十一遍）

誦此呪時觀想六道羣靈一切業障悉皆消滅

唵。阿嚕勒繼娑婆訶。

## 6. Niệm tụng lần Thứ Sáu

### (1) Địa Tạng Bồ Tát Diệt Định Nghiệp Chơn Ngôn

Án bát ra mạt lân đà nãnh sa bà ha. (21 hoặc 49 lần)

### (2) Quán Âm Bồ Tát Diệt Nghiệp Chướng Chơn Ngôn

Án a lô lặc kế sa bà ha. (21 hoặc 49 lần)

### (三) 開咽喉真言 (二十一遍)

誦此呪時觀想餓鬼針咽大開業火停燒清涼快樂

唵。步步底哩伽哆哩。怛哆譏哆耶

十四、授三昧耶戒 (擊引磬唱二十一遍)

誦此呪時觀想六道羣靈同受金剛光明三昧寶戒心得清涼身如菩薩

唵。三昧耶薩埵 鏗

### (3) Khai Yết Hầu Chơn Ngôn

Án bộ bộ đế rị, dà rị đa rị, đát đa nga đa da. (21 hoặc 49 lần)

### Tam Muội Da Giới Chơn Ngôn

Án tam muội da tát đỏa phạm. (21 hoặc 49 lần)

十五、法味變食 (鳴魚直唸)

### (一) 變食真言 (唸四十九遍或一〇八遍)

誦此呪時觀想諸食變一為七七復化七乃至無量充塞

虛空與物無礙受此法食身相圓滿

南無薩嚩怛他誡哆。嚩嚩枳帝。唵。三跋囉。三跋囉。吽

### (3) Biến Thực Chơn Ngôn

Nam mô tát phạ đát tha, nga đa phạ lồ chỉ đế, án tam bạt ra, tam bạt ra hồng. (49 lần hoặc 108 lần)

(二) 清涼偈 (此偈不唱但念亦可)

一滴清涼水 能除饑渴

彈灑灌頂門 悉令獲安樂

### (6) Tịnh Thủy Kệ

Nhất trích thanh lương thủy. Năng trừ cơ dữ khát

Đạn sái quán đánh môn. Tất lịnh hoạch an lạc (1 lần)

(三) 甘露水真言 (唸四十九遍或一〇八遍)

誦此呪時觀想坏水變成甘露法水廣大如海與物無礙沾此法

水永得清淨妙樂)

南無蘇嚩婆耶。

怛他誡哆耶。怛姪他。唵。蘇嚩蘇嚩。鉢囉蘇嚩。鉢囉蘇嚩  
娑婆訶。

### (7) Cam Lò Thủy Chơn Ngôn

Nam mô tô rô bà da, đát tha nga đa da, đát thiết tha, án tô rô tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô, sa bà ha. (49 lần hoặc 108 lần)

(四) 一字水輪真言 (唸二十一遍)

誦此呪時觀想此水更得清淨妙味

唵。鍘。鍘。鍘鍘鍘。

(五) 乳海真言 (唸二十一遍)

誦此呪時觀想前面如乳色微妙難思更得廣大融通

南無三滿哆。沒馱喃。唵。鍘

**(8) Nhất Tự Thủy Luân Chơn Ngôn**

Án noan noan noan noan noan. (21 lần)

**(9) Nhũ Hải Chơn Ngôn**

Nam mô tam mãn đa mầu đà nãm án noan. (21 lần)

十六、宣稱七如來聖號 (三遍) (合掌)

南無多寶如來 南無寶勝如來

南無妙色身如來 南無廣博身如來

南無離怖畏如來 南無甘露王如來

南無阿彌陀如來

**(10) Xưng Niệm Danh Hiệu Thất Như Lai (3 lần) (Chấp tay)**

Nam mô Đa Bảo Như Lai.

Nam mô Bảo Thắng Như Lai.

Nam mô Diệu Sắc Thân Như Lai.

Nam mô Quảng Bác Thân Như Lai.

Nam mô Ly Bồ Úy Như Lai.

Nam mô Cam Lồ Vương Như Lai.

Nam mô A Di Đà Như Lai.

(放掌) 十七、結願正施

(一) 呪力加持 (戒指寫水中吽字)

神呪加持淨法食，普施河沙衆佛子  
願皆飽滿捨慳貪，速脫幽冥生淨土  
皈依三寶發菩提，究竟得成無上道  
功德無邊盡未來，一切佛子同法食  
(hết chấp tay)

### **(11) Thí Thực Kệ**

Thần chú gia trì Tịnh pháp thực,  
Phổ thí hà sa chúng Phật tử,  
Nguyện giai bảo mãn xả kiên tham,  
Tốc thoát u minh sanh Tịnh độ,  
Quy y Tam Bảo phát Bồ đề.  
Cứu cánh đắc thành Vô thượng đạo.  
Công đức vô biên tận vị lai.  
Nhứt thiết Phật tử đồng pháp thực.

神呪加持法施食， 普施河沙衆有情  
願皆飽滿捨慳貪， 速脫幽冥生淨土  
皈依三寶發菩提， 究竟得成無上道  
功德無邊盡未來， 一切有情同法食  
Thần chú gia trì Pháp thí thực.

Phổ thí hà sa chúng Hữu tình,

Nguyện giai bảo mãn xả kiên tham.

Tốc thoát u minh sanh Tịnh độ,

Quy y Tam Bảo phát Bồ đề.

Cứu cánh đắc thành Vô thượng đạo,

Công đức vô biên tận vị lai.

Nhứt thiết Hữu tình đồng pháp thực.

神呪加持甘露水， 普施河沙衆孤魂

願皆飽滿捨慳貪， 速脫幽冥生淨土

皈依三寶發菩提， 究竟得成無上道

功德無邊盡未來， 一切孤魂同法食 (左右三彈水)

Thần chú gia trì Cam lồ thủy.

Phổ thí hà sa chúng Cô hồn,

Nguyện giai bảo mãn xả kiên tham.

Tốc thoát u minh sanh Tịnh độ,

Quy y Tam Bảo phát Bồ đề.

Cứu cánh đắc thành Vô thượng đạo,

Công đức vô biên tận vị lai.

Nhứt thiết Cô hồn đồng pháp thực.

## (二) 施供禮願

汝等佛子衆，我今施汝供，此食徧十方，一切佛子共  
願以此功德，普及於一切，施食與佛子，皆共成佛道

### (12) Thí Thực Chú Nguyện Kệ

Nhữ đấng Phật tử chúng, ngã kim thí nhữ cúng, thử thực biến thập  
phương, nhất thiết Phật tử cộng

Nguyện dĩ thử công đức, phổ cập ư nhất thiết, thí thực dĩ Phật tử, giai  
cộng thành Phật đạo

汝等有情衆，我今施汝供，此食徧十方，一切有情共  
願以此功德，普及於一切，施食與有情，皆共成佛道

汝等孤魂衆，我今施汝供，此食徧十方，一切孤魂共  
願以此功德，普及於一切，施食與孤魂，皆共成佛道

Nhữ đấng Hữu tình chúng, ngã kim thí nhữ cúng, thử thực biến thập  
phương, nhất thiết Hữu tình cộng

Nguyện dĩ thử công đức, phổ cập ư nhất thiết, thí thực dĩ Hữu tình, giai  
cộng thành Phật đạo

Nhữ đấng Cô hồn chúng, ngã kim thí nhữ cúng, thử thực biến thập phương, nhất thiết Cô hồn cộng

Nguyện dĩ thử công đức, phổ cập ư nhất thiết, thí thực dĩ Cô hồn, giai cộng thành Phật đạo

(三) 施無遮食眞言 (三遍)

唵。穆力陵。娑婆訶。

(四) 普供養眞言 (三遍)

唵。誡誡曩。三婆嚩。伐日囉斛。

### (13) Thí Vô Giá Thực Chơn Ngôn (3 lần)

Án mục lực lằng sa bà ha.

### (14) Phổ Cúng Dường Chơn Ngôn (3 lần)

Án nga nga nẳng tam bà phạ, phiệt nhựt ra hồng.

(五) 誦般若波羅蜜多心經

觀自在菩薩。行深般若波羅蜜多時

照見五蘊皆空

度一切苦厄。舍利子

色不異空

空不異色

色即是空。空即是色。受想行識亦復如是。舍利子。

是諸法空相。不生不滅。不垢不淨。不增不減

### (15) Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát nhã Ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt thiết khổ ách. Xá Lợi Tử, sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc, thọ tướng hành thức diệc

phục như thị. Xá Lợi Tử, thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.

是故空中無色。無受想行識。無眼耳鼻舌身意。無色聲香味觸法。無眼界。乃至無意識界。無無明。亦無無明盡。乃至無老死。亦無老死盡。無苦集滅道。無智亦無得。以無所得故。菩提薩埵。依般若波羅蜜多故。心無罣礙。無罣礙故

Thị cố không trung vô sắc, vô thọ tướng hành thức. Vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, vô sắc thanh hương vị xúc pháp, vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới. Vô vô minh, diệt vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận. Vô khổ, tập, diệt, đạo. Vô trí diệt vô đắc, dĩ vô sở đắc cố. Bồ đề tát đỏa y Bát nhã Ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố,

無有恐怖。遠離顛倒夢想。究竟涅槃。三世諸佛依般若波羅蜜多故。得阿耨多羅三藐三菩提。故知般若波羅蜜多。是大神呪。是大明呪。是無上呪。是無等等呪。能除一切苦。真實不虛。

vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết bàn. Tam thế chư Phật, y Bát nhã Ba la mật đa cố, đắc A nậu đa la Tam miệu Tam bồ đề. Cố tri Bát nhã Ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chân thật bất hư.

故說般若波羅蜜多呪。即說呪曰

揭諦揭諦。波羅揭諦。波羅僧揭諦。菩提薩婆訶

Cố thuyết Bát nhã Ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha. (3 lần)

往生呪 (七遍或二十一遍)

南無阿彌多婆耶。哆他伽多夜。哆地夜他。阿彌利都婆毗。阿彌利哆。悉耽婆毗。阿彌唎哆。毗迦蘭帝。阿彌唎哆。毗迦蘭多。伽彌膩。伽伽那。枳多迦利娑婆訶。

**(16) Chú Vãng Sanh (7 lần hoặc 21 lần)**

Nam mô A di đā bà dạ, đā tha dà đā dạ, đā đīa dạ tha. A di rị đô bà tỳ, a di rị đā, tất đām bà tỳ, a di rị đā, tỳ ca lan đế, a di rị đā, tỳ ca lan đā. Đà di nị, dà dà na, chỉ đā ca lệ, sa bà ha

**十八、普結回向**

(一) 普回向真言 擊引磬同唱七遍或十四遍

唵。娑摩囉 娑摩囉。彌摩曩。薩哈囉 摩訶 咱哈囉吽

(二) 吉祥偈

願晝吉祥夜吉祥。晝夜六時恆吉祥。一切時中吉祥者

願諸上師哀攝受。

**(17) Phổ Hồi Hướng Chơn Ngôn**

Án sa ma la sa ma la di ma nắng tát cáp la, ma ha cha cáp la hồng

**(18) Kiết Tường Kệ**

Nguyện trú kiết tường, dạ kiết tường. Trú dạ lục thời hằng kiết tường. Nhứt thiết thời trung kiết tường giả. Nguyện chư Thượng Sư ai nhiếp thọ.

願晝吉祥夜吉祥，晝夜六時恆吉祥，一切時中吉祥者，願諸三寶哀攝受

願晝吉祥夜吉祥，晝夜六時恆吉祥，一切時中吉祥者，願諸護法常擁護。

Nguyện trú kiết tường, dạ kiết tường. Trú dạ lục thời hằng kiết tường  
Nhứt thiết thời trung kiết tường giả. Nguyện chư Tam Bảo ai nhiếp thọ.

Nguyện trú kiết tường, dạ kiết tường. Trú dạ lục thời hằng kiết tường  
Nhứt thiết thời trung kiết tường giả. Nguyện chư Hộ Pháp thường ủng hộ.

### (三) 法師第六番開示

上來宣揚施食法門。汝等佛子。得悟玄妙之心。同入清涼之地。偈示萬法唯心。呪破衆苦關鑰。皈依三寶。趣妙果。脫苦輪。道歸解脫之門。堅發四弘。求佛道。度衆生。勤向涅槃之果。

### **Pháp Sư Khai Thị Lần Thứ Sáu**

Trên đây đã tuyên dương pháp môn Thí Thực. Các vị Phật tử ngộ được cái tâm huyền diệu, cùng vào cõi thanh lương. Kệ giảng vạn pháp đều do tâm tạo, chú phá trừ các khổ ngăn trói. [Hướng dẫn quý vị] quy y Tam Bảo, hướng đến quả báo nhiệm màu, thoát ly cõi khổ, dẫn vào cửa giải thoát. Kiên quyết phát tâm Tứ Hoằng cầu Phật đạo, độ chúng sanh, siêng năng hướng về quả Niết Bàn.

先由懺悔之力。誓願轉深。更以滅定業之功。根源方淨。然後進求三昧耶戒。大乘無作戒體圓成。變諸食色香味。互徧互融。化此水為甘露。普降普潤。更聞七如來名。即脫六道界苦。如是平等法會。貴賤均沾。無遮道場。怨親無間。

Dựa vào sức sám hối, thệ nguyện càng sâu, do công diệt định nghiệp, nguồn cội mới được thanh tịnh. Từ đó tiến lên cầu Tam Muội Da giới Đại Thừa Vô Tác, giới thể mới thành tựu viên mãn. Biến đổi thức ăn, sắc

hương vị trọn khắp viên dung. Biến đổi nước đó thành cam lồ đẫm khắp. Lại nghe danh hiệu của bảy đức Như Lai nên được thoát nỗi khổ lục đạo. Pháp hội bình đẳng như vậy, giàu nghèo thắm nhuần lợi ích đồng đều. Đạo tràng Vô Giá, oán thân chẳng ngăn cách.

以上經呪功德。咸融般若心經之真空。顯密諸章。悉隨往生淨土之秘藏。普回向呪。法界衆生。盡成菩提。唱吉祥偈。大地有情。常得如意。今汝遇緣既勝。已聞出世法門。常當自覺自明。不得迷心迷境。一落冥界。萬劫難回。

Dùng công đức kinh chú cộng thêm Bát Nhã tâm kinh chân không, kinh văn cả Hiển lẫn Mật đều quy hướng bí tạng vĩnh sanh Tịnh độ. Tụng chú Phổ Hồi Hướng, pháp giới chúng sanh đều viên thành Bồ Đề. Tụng kệ cát tường nguyện cho khắp hữu tình đại địa đều được như ý. Nay các vị đã gặp cơ duyên thù thắng này, đã được nghe pháp xuất thế, hãy thường tự giác, tự tỏ, đừng mê tâm mê cảnh. Đã trót vào cõi tối tăm, vạn kiếp khó có thể thoát ra,

汝既領悟。早冀圓超。彼佛垂慈。即令解脫。蓮花托體。光明滿身。常聞彌陀妙音。直悟無生法忍。汝等至心。隨衆和音。念佛回向。

mong các vị đều được giác ngộ, thông suốt, sớm được siêu thoát rốt ráo, đức Phật rủ lòng Từ, liền được giải thoát. Thác sanh vào hoa sen, quang minh chói lòa khắp thân, thường nghe pháp âm màu nhiệm của Phật Di Đà, trực ngộ Vô Sanh Pháp Nhẫn. Các vị hãy chí tâm hòa theo đại chúng mà niệm Phật hồi hướng.

## 十九、宣疏

(一)、宣疏前唱：【南無大乘常住三寶】三稱

## 1. Tuyên sớ Tam Bảo

Nam mô Đại Thừa Thường Trụ Tam Bảo (3 lần)

(二)、宣疏復唱：【南無莊嚴無上佛菩提】 三稱

二十、念佛回向

四生登於寶地 三有托化蓮池

河沙餓鬼證三賢 萬類有情登十地

## 2. Chủ Toạ Tuyên

### 3. Kết

Nam mô trang nghiêm vô thượng Phật Bồ đề (3 lần)

**NIỆM XƯƠNG TÁN KỆ**

### 1. Thí Thực Hồi Hướng Kệ

Tứ sanh đẳng ư bảo địa.

Tam hữu thác hóa liên trì

Hà sa Ngạ quỷ chứng Tam hiền.

Vạn loại hữu tình đẳng Thập địa.

阿彌陀佛身金色 相好光明無等倫

白毫宛轉五須彌 紺目澄清四大海

光中化佛無數億 化菩薩衆亦無邊

四十八願度衆生 九品咸令登彼岸

南無西方極樂世界大慈大悲阿彌陀佛

南無阿彌陀佛

## 2. Tán A Di Đà Phật Kệ

A Di Đà Phật thân kim sắc,

Tướng hảo quang minh vô đẳng luân.

Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu di,

Cám mục trừng thanh tứ đại hải.

Quang trung hóa Phật vô số ức,

Hóa Bồ tát chúng diệc vô biên,

Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh,

Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật.

## 3. Niệm Phật Xuất Vị

Nam mô A Di Đà Phật.

Nam mô A Di Đà Phật.

靈位前回向（丁）

一、稱聖號 各三稱

南無觀世音菩薩

南無大勢至菩薩

南無清淨大海衆菩薩

**(1) Bồ Tát Thánh Hiệu**

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ tát (3 lần)

Nam mô Đại Thế Chí Bồ tát (3 lần)

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ tát (3 lần)

**二、宣佛號 (三稱)**

南無西方接引阿彌陀佛

**(2) Tiếp Dẫn Phật Thánh Hiệu**

Nam mô Tây Phương tiếp dẫn A Di Đà Phật (3 lần)

**三、淨土文**

一心歸命 極樂世界 阿彌陀佛

願以淨光照我 慈誓攝我 我今正念 稱如來

為菩提道 求生淨土 佛昔本誓 若有眾生

欲生我國 志心信樂 乃至十念 若不生者

**(3) Tây Phương Tịnh Độ Văn**

Nhất tâm quy mạng Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật. Nguyện dùng quang minh thanh tịnh chiếu đến con, dùng thế nguyện từ bi nhiếp độ con. Con nay chánh niệm, xưng danh Như Lai, vì đạo Bồ Đề, cầu sanh Tịnh Độ. Phật xưa đã thề: Nếu có chúng sanh muốn sanh cõi Ta chí tâm tin ưa, dẫu chỉ mười niệm, nếu chẳng được sanh

不取正覺 以此念佛因緣 得入如來

大誓海中 承佛慈力 眾罪消滅 善根增長

若臨命終 自知時至 身無病苦 心不貪戀

意不顛倒 如入禪定 佛及聖眾 手執金臺

chẳng lấy Chánh Giác. Do nhân duyên niệm Phật này được vào trong biển đại thế của Như Lai, nương từ lực Phật, các tội tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng. Nếu sắp mạng chung tự biết lúc mất, thân không bệnh khổ, tâm không tham luyến, ý chẳng điên đảo, như nhập Thiền Định. Phật và thánh chúng tay cầm đài vàng,

來迎接我 於一念頃 生極樂國 花開見佛 即聞佛乘 生極樂國  
花開見佛 即聞佛乘

頓開佛慧 廣度眾生 滿菩提願 十方三世 一切佛 一切菩薩摩訶薩  
摩訶般若波羅蜜

đến nghinh đón con, trong khoảng một niệm, sanh cõi Cực Lạc. Hoa nở thấy Phật, liền nghe Phật thừa, mau khai Phật huệ, rộng độ chúng sanh, mãn nguyện Bồ Đề. Thập phương tam thế Phật, nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật

#### 四、誦往生神呪（三遍）

南無阿彌多婆耶。哆他伽多夜。哆地夜他。阿彌利都婆毗。阿彌利哆。悉耽婆毗。阿彌唎哆。毗迦蘭帝。阿彌唎哆。毗迦蘭多。伽彌膩。伽伽那。枳多迦利娑婆訶。

#### (4) Chú Vãng Sanh (3 lần)

Nam mô A di đà bà dạ, đa tha dà đa dạ, đa địa dạ tha. A di rị đô bà tỳ, a di rị đa, tất đam bà tỳ, a di rị đa, tỳ ca lan đế, a di rị đa, tỳ ca lan đa. Đà di ni, dà dà na, chỉ đa ca lệ, sa bà ha

## 五、舉讚

六道羣靈。脫生死鄉。少隨法水悟真常。

直下自承當。返照迴光。何地不樂邦。

南無超樂土菩薩摩訶薩 (三稱)

### (5) Lục Đạo Quần Linh Tán

Lục đạo quần linh, thoát sanh tử hương.

Thiểu tùy pháp thủy ngộ chân thường

Trực hạ tự thừa đương.

Phản chiếu hồi quang.

Hà địa bất lạc bang

Nam mô Siêu Lạc Độ Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần)

## 六、往生偈

願生西方淨土中，

九品蓮花為父母

花開見佛悟無生，

退菩薩為伴侶

### (6) Kệ Hồi Hương

Nguyện sanh Tây phương Tịnh độ trung,  
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,  
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh.  
Bất thoái Bồ tát vi bạn hữu,

普回向偈（戊）（回至壇前唱）

施食功德殊勝行 無邊勝福皆回向

普願沉溺諸有情 速往無量光佛刹

十方三世一

佛一

菩薩摩訶薩

摩訶般若波羅蜜

## (7) Niệm Phật Vĩ

Nam Mô A Di Đà Phật

Nam Mô A Di Đà Phật

### PHẬT TIỀN NIỆM TỤNG

#### 1. Kệ Hồi Hương

Thí thực công đức thù thắng hạnh,  
Vô biên thắng phước giai hồi hương.  
Phổ nguyện trầm nịch chư hữu tình,  
Tốc vãng vô lượng quang Phật sát.

Thập phương tam thế Phật,  
Nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát,  
Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật

三皈依（已）

自皈依佛 當願衆生 體解大道 發無上心

自皈依法 當願衆生 深入經藏 智慧如海

自皈依僧 當願衆生 統理大衆 一切無礙

和南聖衆

## 2. Tam Quy Y

Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh thể giải đại đạo phát vô thượng tâm

Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại

Hòa nam thánh chúng

